

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN Ở NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

ThS ĐỖ MẠNH CƯỜNG

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Ngày nhận:

27-3-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

29-4-2022

Ngày duyệt đăng:

5-5-2022

Tóm tắt: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp là Xứ ủy Nam Bộ tiếp đó là Trung ương Cục miền Nam, lực lượng dân quân ở Nam Bộ đã từng bước được xây dựng và trưởng thành, trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy chiến tranh nhân dân phát triển, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ khóa:

Dân quân, Nam Bộ, kháng chiến chống thực dân Pháp

1. Kiện toàn, thống nhất lực lượng (1945-1950)

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Cuối năm 1945, đầu năm 1946, quân Pháp đã mở rộng chiếm đóng ra hầu khắp các tỉnh Nam Bộ. Nhằm cản bước tiến của địch, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo quân và dân Nam Bộ tích cực củng cố lực lượng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở thành thị; chủ trương đưa cán bộ về bám đất, bám dân, xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng lực lượng du kích, phát động chiến tranh du kích để kháng chiến lâu dài theo đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng.

Ngày 12-10-1945, Hội nghị Xứ ủy mở rộng quyết định chia Nam Bộ thành 3 khu 7, 8 và 9¹.

Tiếp đó, ngày 20-11-1945, Hội nghị Quân sự Nam Bộ được triệu tập ở An Phú Xã (Gia Định), *kiểm điểm tình hình hoạt động vũ trang, bàn công tác tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy*. Hội nghị thảo luận về kế hoạch thống nhất quân đội, thống nhất chỉ huy, vạch chương trình hành động chống Pháp, diệt tề trừ gian, củng cố chính quyền, đoàn kết quân dân, tiếp tế cho bộ đội, chuẩn bị phát động du kích chiến tranh và phân chia khu vực hoạt động của các đơn vị vũ trang. Hội nghị cử đồng chí Nguyễn Bình làm Tổng Tư lệnh và đồng chí Vũ Đức (Hoàng Đình Giong) làm Chính ủy Giải phóng quân Nam Bộ.

Thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng lực lượng kháng chiến, trong thời gian ngắn, hầu

hết các ấp ở Mỹ Tho, Gò Công đều tổ chức được từ 1 đến 2 tiểu đội. Có ấp, lực lượng tự vệ chiến đấu quân số lên tới 1 phân đội². Ở Rạch Giá và Hà Tiên, đầu tháng 9-1945, phong trào gia nhập các tổ chức cách mạng diễn ra sôi nổi. Từ cuối tháng 9-1945, hai tỉnh Rạch Giá và Hà Tiên mỗi nơi thành lập được 1 Đại đội Cộng hòa vệ binh và 1 Trung đội Quốc gia tự vệ cuộc. Phần lớn các quận có 1 Trung đội Cộng hòa vệ binh và 1 Tiểu đội Quốc gia tự vệ cuộc. Nhiều ấp có từ 1 đến 2 tiểu đội dân quân. Các thôn, xóm đều tổ chức lực lượng dân quân cách mạng. Trong đó, có cả những đội nữ dân quân được vũ trang dao, kiếm, vũ khí thô sơ³.

Sau Hội nghị quân sự Nam Bộ, nhiều căn cứ du kích đã được xây dựng. Các đội dân quân tự vệ nhanh chóng phát triển từ tiểu đội lên trung đội, đại đội như ở Cần Giuộc, Chợ Đệm, Gia Định. Ở những nơi địch chưa đánh đến, các cấp ủy Đảng chấn chỉnh các đơn vị vũ trang tập trung, củng cố dân quân tự vệ tại thôn, xã. Phong trào xây dựng lực lượng dân quân và chuẩn bị kháng chiến phát động rộng khắp ở Sóc Trăng. Mỗi xã có hàng trăm dân quân, tổ chức thành từng đội luyện tập bắn súng, ném lựu đạn, đánh mìn... Lò rèn các xã, ấp được huy động tập trung rèn vũ khí trang bị cho dân quân. Tại Sài Gòn, các đơn vị vũ trang hoạt động ở nội thành sáp nhập lại thành các ban công tác. Lực lượng tự vệ được sắp xếp lại, tổ chức theo khu vực cư trú. Đến cuối năm 1945, hầu khắp các địa phương ở Nam Bộ, từ cấp xã tới tỉnh đã xây dựng được lực lượng tự vệ, dân quân cách mạng và đội du kích tập trung.

Trong năm 1946, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ, các cấp bộ đảng ở Nam Bộ chú trọng xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ. Tại vùng nông thôn, các tỉnh đều xây dựng, phát triển dân quân, du kích; lấy thôn, ấp làm đơn vị để tổ chức. Mỗi thôn, ấp “xây dựng ít nhất 1

tổ đến 1 tiểu đội làm nhiệm vụ canh gác phòng gian (lập vọng gác, tuần tiểu, báo động), “phá hoại giao thông” (đào đường, phá cầu, rào cản trên sông rạch), “chiến đấu” (độc lập tác chiến hoặc trình sát năm địch), chuẩn bị chiến trường cho bộ đội”⁴.

Tuy nhiên, các lực lượng trên không thống nhất về tên gọi, tổ chức, chỉ huy. Đến đầu năm 1947, ở mỗi địa phương lực lượng dân quân có tên gọi khác nhau như: tự vệ, du kích, dân quân tự vệ, dân quân du kích, dân quân tự vệ - du kích, du kích địa phương... Để thống nhất, ngày 19-2-1947, Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy ban hành Thông tư số 33TL/DB “Về tổ chức dân quân”, nêu rõ: Tất cả các tổ chức vũ trang của dân chúng, ngoài Quân đội quốc gia, đều lấy tên là “Dân quân Việt Nam”. “Dân quân Việt Nam” gồm hai hạng là “Dân quân tự vệ” và “Đội du kích địa phương”⁵.

Ngày 3-11-1947, Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ quyết định thành lập Phòng Dân quân Nam Bộ do Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn trực tiếp phụ trách, có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thống nhất hoạt động, chiến đấu của dân quân Nam Bộ⁶. Ngay khi được thành lập, Phòng Dân quân Nam Bộ ra Thông sứ số 10/TSDQ về việc quy định cách tổ chức các cấp chỉ huy dân quân khu, tỉnh, quận, làng kèm theo Thông tư số 33/TT-DB, ngày 19-2-1947 của Bộ Quốc phòng “Về tổ chức dân quân” cho Ủy ban kháng chiến các cấp. Bắt đầu từ đây, *các đội tự vệ chiến đấu và các tổ chức bán quân sự ở Nam Bộ được tổ chức lại thành các đội dân quân tự vệ và các đội du kích địa phương nằm trong hệ thống dân quân*⁷.

Ngày 7-4-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh tổ chức bộ đội địa phương, trong đó quy định rõ Quân đội quốc gia Việt Nam có hai phân: Quân đội chính quy và quân địa phương; đồng thời, xác định dân quân là lực lượng kháng chiến của các xã gồm tất cả những người có nghĩa vụ tòng quân và

những người tình nguyện tham gia chiến đấu, làm nhiệm vụ bảo vệ thôn xóm. Lực lượng dân quân không tổ chức phân biệt theo các giới, trừ các đội dân quân lão thành và phụ nữ vì tính chất đặc biệt có tổ chức riêng. Thi hành Sắc lệnh này, ngày 7-7-1949, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh ban hành Nghị định số 103/NQQ về tổ chức bộ đội địa phương và Thông tư số 46/TT quy định nhiệm vụ của cơ quan các cấp, các ngành đối với việc xây dựng bộ đội địa phương. Đối với lực lượng dân quân, Nghị định quy định rõ: Bộ phận trước đây gọi là “dân quân tự vệ” nay gọi là “dân quân”. Những đội gương mẫu gọi là “dân quân du kích”. Dân quân được tổ chức rộng rãi để chuẩn bị cho tất cả công dân thi hành nghĩa vụ tòng quân. Dân quân du kích nằm trong tổ chức dân quân, sinh hoạt trong tổ chức dân quân⁸. Như vậy, *từ tháng 7-1949 trở đi, cả nước nói chung, Nam Bộ nói riêng, lực lượng dân quân tự vệ được gọi là “dân quân”, những đội gương mẫu gọi là “dân quân du kích”*.

Đến năm 1948, lực lượng dân quân Nam Bộ có sự trưởng thành về nhiều mặt. Tuy nhiên, có nơi quá vội đưa dân quân vào Quân đội quốc gia Việt Nam làm suy yếu cơ sở dân quân; có tình chỉ tập trung vào dân quân thoát ly mà không chăm lo bồi dưỡng, phát triển dân quân không thoát ly. Khắc phục tình trạng này, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ về xây dựng lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu kháng chiến, đảng bộ các tỉnh Nam Bộ tập trung lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân; đặc biệt, việc xây dựng lực lượng dân quân ở cấp xã, ấp được đẩy mạnh. Nhiều địa phương, cấp xã đã tổ chức từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội, ấp có 1 tiểu đội, liên xã có 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân như Mỹ Tho, Sa Đéc, Cần Thơ, Trà Vinh... Cơ quan phụ trách công tác dân quân chỉ đạo các cơ sở phát triển dân quân tự vệ mật; nhiều nơi có hàng trăm dân quân tự vệ mật như Mỹ Tho, Cần Thơ... Đến cuối năm 1948, các tỉnh Nam Bộ

tổ chức xong dân quân tập trung ở thôn, ấp. Các tỉnh lần lượt thành lập Tỉnh đội dân quân, Huyện đội dân quân, Xã đội dân quân, chịu sự chỉ đạo theo ngành dọc và sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng địa phương⁹. Tổng số dân quân Nam Bộ cuối năm 1948 là 270.593 người¹⁰.

Đi đôi với xây dựng, củng cố về tổ chức, lực lượng, việc nâng cao chất lượng dân quân được chú trọng. Phòng Dân quân Nam Bộ ngay từ khi mới thành lập đã mở Trường Dân quân Nam Bộ đào tạo cán bộ cho các khu và các tỉnh. Liên tục trong 9 tháng (từ tháng 11-1947 đến tháng 7-1948), Trường Dân quân Nam Bộ mở 4 khóa, đào tạo được 395 cán bộ. Số cán bộ sau khi tốt nghiệp được đưa về các tỉnh gây dựng cơ sở và phát triển lực lượng. Ngoài ra, thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Dân quân Nam Bộ, để nâng cao chất lượng dân quân, Phòng Dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn¹¹ mở lớp huấn luyện cán bộ dân quân. Đồng thời, chú trọng phát triển dân quân vùng địch hậu và trong thành phố; kiện toàn tổ chức dân quân các cấp, nhất là cấp xã, huyện. Trong công tác phát triển lực lượng vũ trang địa phương, Phòng Dân quân Nam Bộ đóng vai trò quan trọng. Cuối năm 1950, Phòng tiếp tục được bổ sung một số cán bộ có kinh nghiệm; nhờ đó, Phòng đã thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra tình hình bộ đội địa phương và dân quân¹².

Từ năm 1945 đến năm 1950, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Xứ ủy, Khu ủy và Bộ Tư lệnh các khu 7, 8, 9 và các đảng bộ tỉnh Nam Bộ, công tác xây dựng lực lượng dân quân được hết sức chú trọng. Cùng với lực lượng dân quân thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, ở Nam Bộ thời kỳ này đã thành lập lực lượng dân quân mật (du kích mật) hoạt động ở nội thành và vùng địch chiếm đóng. Thông qua huấn luyện, trang bị và thực tiễn chiến đấu, lực lượng dân quân Nam Bộ không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Đến năm 1950, Nam Bộ đã khắc phục được tình trạng có hai lực lượng dân quân, một của Chính phủ và một của riêng đoàn thể, cũng như coi dân quân là một “giới” riêng hay một “đoàn thể riêng”. Hơn nữa, do xác định được dân quân là lực lượng bán vũ trang của toàn dân, chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương, dân quân Nam Bộ đã thu hút được tất cả công dân từ 18 đến 45 tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự toàn dân. Bên cạnh kết quả đạt được, việc xây dựng lực lượng dân quân ở Nam Bộ còn bộc lộ một số hạn chế như thành phần phức tạp, chưa được chọn lọc kỹ lưỡng; công tác xây dựng lực lượng chưa theo kịp yêu cầu phát triển cuộc kháng chiến; vũ khí còn thiếu và thô sơ; công tác huấn luyện (cả về quân sự và chính trị) chưa thường xuyên... Những hạn chế này đã tác động trực tiếp tới kết quả xây dựng lực lượng dân quân những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Xây dựng lực lượng dân quân ở Nam Bộ (1951-1954)

Sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, cách mạng Việt Nam có bước chuyển biến mới; thực dân Pháp ngày càng bị động, lung túng trên chiến trường cả nước. Trong bối cảnh đó, Đại hội II của Đảng nhận định: “Dân quân là một tổ chức bán vũ trang... các tổ chức dân quân đã được chú trọng và phát triển mạnh, nhưng chưa được rộng rãi... việc phát triển và huấn luyện dân quân trong vùng tạm chiếm cũng như trong vùng tự do cần được tiến hành tích cực. Kết hợp chặt chẽ công tác dân quân với công tác các đoàn thể cứu quốc và công tác dân sinh, tổ chức rộng rãi nhưng đồng thời phải kiện toàn thực sự đội du kích trung kiên xã. Luyện tập cho người dân quân biết đánh du kích, biết áp dụng làng chiến đấu, đồng thời tổ chức cho họ làm công tác hậu phương phục vụ tiền tuyến. Chuẩn bị cho người

dân quân có thể trở nên người lính giỏi của Quân đội nhân dân, bộ đội địa phương hay bộ đội chủ lực”¹³.

Thực hiện chủ trương “tổ chức các cục Trung ương để chỉ đạo các địa phương xa”, trung tuần tháng 3-1951, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa II) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam¹⁴ thay cho Xứ ủy lãnh đạo trực tiếp cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ. Trung ương Cục đề ra chủ trương: “Nắm vững phương châm chiến lược: “*du kích chiến là chính, học tập đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới*”¹⁵. Đầu năm 1952, Trung ương Cục ban hành “Nghị quyết quân sự”, nhận định: “Riêng ở Nam Bộ, thế giằng co của ta còn thấp kém, ta bị động nhiều, vì du kích chiến tranh chậm phát triển, lực lượng ta còn kém nhiều hơn địch. Do đó mà phương châm chiến lược của ta ở Nam Bộ vẫn là: *Du kích chiến là chính, học tập vận động chiến*. Giữ vững sự lãnh đạo thống nhất toàn Nam Bộ, tránh bị cắt đứt giữa miền Tây và miền Đông, quyết giữ vững miền Trung”¹⁶. Theo đó, ở Phân Liên khu miền Đông, Ban Dân quân được củng cố, trực thuộc Phòng Tham mưu. Ở Phân Liên khu miền Tây, sau Chiến dịch Long Châu Hà II (trọng tâm là “phá ngụy” trong vùng huyện Châu Thành - Long Xuyên, Châu Phú A và Thốt Nốt), tỉnh Long Châu Hà¹⁷ xây dựng được nhiều đội dân quân nội ứng như: Định Mỹ (10 nữ dân quân), Phú Hòa (30 dân quân), Mỹ Thới (9 dân quân), Càn Đăng (50 dân quân du kích và bí mật)¹⁸. Sau Chiến dịch Sóc Trăng II (Hè năm 1951), dân quân du kích tỉnh Sóc Trăng có bước phát triển mới. Ở huyện Long Phú, vùng đất liền du kích nhiều xã được khôi phục, chỉ tính riêng 4 xã là Trường Khánh, Phú Hữu, Long Đức và Tân Hưng phát triển được trên 20 tổ dân quân du kích. Các xã Trung Bình, Lịch Hội Thượng phát triển thêm 6 tiểu đội dân quân. Toàn khu

vực đất liền Long Phú phát triển được 448 dân quân bí mật¹⁹.

Dân quân Nam Bộ từng bước được rèn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật chiến đấu từ cơ bản của cá nhân đến tiểu đội, trung đội, đại đội, đặc biệt chú trọng bắn súng trường, ném lựu đạn, sử dụng địa lôi và các loại vũ khí thô sơ; huấn luyện từng đội viên nâng cao kỹ thuật tác chiến, có thể độc lập đối phó với địch, phòng những khi địch càn quét dữ dội và đứt liên lạc với tổ, đội cũng như ban chỉ huy.

Nhằm nâng cao công tác chính trị trong dân quân, việc tuyên truyền có ý nghĩa quan trọng. Phòng Dân quân Nam Bộ ra tờ *Tin tức Dân quân*. Thủ Dầu Một và Gia Định Ninh ra Tạp chí *Đuốc dân quân*, mỗi tháng phát hành 1, 2 hoặc 4 kỳ tùy theo điều kiện, hoàn cảnh. Ở Sài Gòn - Chợ Lớn, Ban Chỉ huy Thành bộ Tự vệ phát hành báo *Tự vệ*, lưu hành trong nội đô. Nội dung chủ yếu của báo, tạp chí dân quân nhằm động viên phong trào thi đua giết giặc, lập công, công nhận và biểu dương chiến công của dân quân.

Trong Đông Xuân 1953-1954, các địa phương Nam Bộ thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, trực tiếp là sự chỉ đạo của Trung ương Cục: Phải tiếp tục giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích; chú trọng xây dựng về lực lượng dân quân. Tại tỉnh Vĩnh Trà, trong đợt hoạt động cuối 1953 - đầu 1954, đã kiện toàn được 62 tiểu đội dân quân du kích xã, trong đó riêng huyện Cái Ngang có 12 tiểu đội. Thị xã Vĩnh Long, mỗi phường đều có tổ dân quân du kích²⁰. Tỉnh Thủ Biên có 458 dân quân du kích xã, 942 dân quân du kích tại nghiệp, 832 dân quân du kích mật (tăng 253 dân quân du kích xã, 498 dân quân du kích tại nghiệp và 609 dân quân du kích mật so với năm 1953). Ở Gia Định Ninh, có 424 dân quân du kích xã, 1.887 dân quân du kích tại nghiệp, 2.813 dân quân du kích mật (tăng 245 dân quân du kích

xã, 1.206 dân quân du kích tại nghiệp, 17 dân quân du kích mật và 2.813 dân quân so với năm 1953). Ở Mỹ Tân Gò, tính riêng hai huyện Cai Lậy - Cái Bè có 196 dân quân du kích xã, 1.016 dân quân du kích ấp và 450 dân quân (tăng 100 dân quân du kích xã, 390 dân quân du kích ấp và 460 dân quân). Ở Bà Chợ có 100 dân quân du kích xã, 112 dân quân du kích mật, 163 dân quân du kích ấp, 1.768 dân quân (tăng 73 dân quân du kích xã, 93 dân quân du kích bí mật và 983 dân quân). Ở Long Châu Sa tại Phú Châu tăng thêm 61 tiểu tổ dân quân du kích bí mật²¹.

Từ năm 1951 đến năm 1954, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh các Phân Liên khu miền Đông và miền Tây, trực tiếp là các đảng bộ tỉnh tiếp tục chú trọng xây dựng lực lượng dân quân, tập trung phát triển số lượng đi đôi với nâng cao chất lượng. Trong đó, điểm khác biệt so với giai đoạn 1945-1950 là chú trọng nâng cao chất lượng dân quân, thể hiện ở việc dân quân được huấn luyện quân sự, học tập chính trị một cách bài bản. Ở hầu hết các tỉnh đều có trường tân binh để đào tạo bộ đội địa phương và dân quân; các tỉnh luân phiên cử các bộ chính trị, quân sự về các địa phương huấn luyện dân quân. Trong công tác giáo dục chính trị đã chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao tinh thần và ý chí chiến đấu cho dân quân.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng dân quân ở Nam Bộ giai đoạn 1951-1954 còn bộc lộ một số hạn chế, thể hiện ở việc mới tập trung phát triển dân quân du kích xã, thoát ly sản xuất, chưa thấy hết tính chất quần chúng, tính chất vừa sản xuất vừa đánh địch bảo vệ sản xuất của dân quân du kích tại nghiệp. Số lượng dân quân phát triển nhưng còn phức tạp về thành phần và thiếu chọn lọc, tiêu biểu ở Thủ Biên - thanh niên vùng tạm chiếm trốn bắt lính chạy ra vùng du kích và được bổ sung ngay vào các tổ, đội dân quân; công tác học tập, giáo dục chính trị cho dân quân chưa

được tiến hành thường xuyên; trang bị vũ khí còn thiếu, phần nhiều vẫn sử dụng vũ khí tự tạo; đời sống dân quân còn nhiều khó khăn.

Công tác xây dựng lực lượng dân quân ở Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần cùng bộ đội chủ lực lập nên những chiến công lớn trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Nam Bộ có sự đóng góp quan trọng của lực lượng dân quân - với vai trò là tổ chức vũ trang của quần chúng ở cơ sở, là lực lượng vũ trang quân chúng không thoát ly sản xuất và công tác. Đây cũng thể hiện nét đặc sắc của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

1. Khu 7 gồm: Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh; Khu 8 gồm: Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sa Đéc; Khu 9 gồm: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá và Hà Tiên (Dẫn theo: Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Biên niên sự kiện Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 49-50)

2. Dẫn theo: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang, *Lịch sử kháng chiến quân, dân Tiền Giang (1940-1975)*, Nxb QĐND, H, 2008, tr. 68

3. Dẫn theo: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang, *Kiên Giang kháng chiến chống thực dân Pháp (1930-1954)*, Nxb Hồng Đức, H, 2015, tr.112-113

4. Hồ Sơn Đài: *Cuộc kháng chiến 1945-1954 nhìn từ Nam Bộ*, Nxb CTQG, H, 2008, tr. 61

5. Bộ Quốc phòng: “Thông tư về tổ chức dân quân ngày 19-2-1947”, lưu Thư viện Viện Lịch sử quân sự, ký hiệu TW/858

6. “Báo cáo tình hình dân quân Nam Bộ năm 1948”, lưu Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7

7. Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Khu 7 thành lập Ban Dân quân do Lê Minh Định làm Trưởng ban

8. Bộ Quốc phòng: “Nghị định số 103/NQQ về tổ chức bộ đội địa phương năm 1949”, lưu Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Bộ Quốc phòng, Hồ sơ số 209

9, 10. “Báo cáo tình hình dân quân Nam Bộ năm 1948”, lưu Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7

11. Phòng Dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn thành lập ngày 1-4-1949 trực thuộc Thành ủy (không thuộc Phòng Tham mưu Khu Sài Gòn - Chợ Lớn). Phòng có 3 ban: Văn thư, Chính trị, Vũ khí và Xưởng chế tạo vũ khí

12. Bộ Tổng Tư lệnh: “Chỉ thị về nhiệm vụ năm 1950 của bộ đội địa phương và dân quân Nam Bộ”, tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Bộ Quốc phòng, Hồ sơ số 269

13. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T. 12, tr. 287-288

14, 16. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (Tập 1: 1945-1954)*, Nxb CTQG, H, 2010, T. 1, tr. 453-455, 457

15. “Nghị quyết quân sự năm 1951” của Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Dẫn theo: Bộ Tư lệnh Quân khu 9: *Quân khu 9 ba mươi năm kháng chiến 1945-1975*, Nxb QĐND, H, 1996, tr.168

17. Cuối năm 1950, Long Châu Hậu sáp nhập với Hà Tiên thành tỉnh Long Châu Hà

18. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang: *Lực lượng vũ trang nhân dân An Giang 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Tập 1 (1945-1954), An Giang, 2001, tr. 160

19. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Sóc Trăng: *Lịch sử 30 năm kháng chiến của lực lượng vũ trang tỉnh Sóc Trăng (1945-1975)*, Nxb CTQG, H, 2013, tr.106

20. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Long: *Lực lượng vũ trang tỉnh Vĩnh Long 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb QĐND, H, T. 1, 1999, tr.182

21. “Tình hình dân quân du kích 6 tháng đầu năm 1954”, lưu Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7.